TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2026
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-TCDS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số 266 - 268 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH M Ngân hàng S .

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh T. Địa chỉ: Số 266 - 268 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Long V, sinh năm 2000. Địa chỉ: Chòm 6, thôn T , xã H, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt, có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2024, bản tự khai, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Strình bày:

Ngày 06/6/2022, anh V có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng.

Cụ thể: Loại thẻ: Visa PayWave Cre Classic; Số thẻ: 472074-9053; Hạn mức: 10.000.000 đồng; Ngày cấp thẻ: 06/06/2022; Lãi suất áp dụng: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Anh V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.600.000 đồng và các khoản phải thanh toán bao gồm: Phí trễ hạn: 474.851 đồng, phí VHM: 200.000 đồng, phí khác: 299.000 đồng, lãi trong hạn: 1.411.122 đồng. Tổng số tiền anh V phải thanh toán cho Ngân hàng tại thời điểm giao dịch là 11.984.973 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh V đã không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ số tiền gốc, lãi hay tiền phí nào.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Anh V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 09/01/2026, Anh V còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 11.984.973 đồng; Lãi quá hạn: 18.010.480 đồng. Tổng cộng: 29.995.453 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.984.973 đồng với lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng (lãi quá hạn = 2,6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án: Buộc anh Đặng Long V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 29.995.453 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 11.984.973 đồng; Lãi quá hạn: 18.010.480 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2025, bị đơn anh Đặng Long V trình bày: Vào khoảng tháng 6 năm 2022, anh có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S (Sacombank) với hạn mức 10.000.000 đồng và vào ngày 10/7/2022 anh V có giao dịch số tiền 9.600.000 đồng

Từ đó đến nay, anh không sử dụng và cũng không để ý đến loại thẻ này của mình.

Anh thừa nhận các thông tin tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa anh và Ngân hàng TMCP S là đúng với các thông tin của cá nhân anh.

Nay anh có nguyện vọng là sẽ nộp số tiền gốc còn nợ vào cho Ngân hàng. Do hiện tại bố anh đang ốm nên anh chưa thể thu xếp trả hết toàn bộ cho Ngân hàng được.

Do công việc bận rộn, nên anh không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các bên đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100 và 103 Luật Các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sđối với anh Đặng Long V. Buộc anh V phải trả cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền tính đến ngày 09/01/2026 là 29.995.453 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 11.984.973 đồng; Lãi quá hạn: 18.010.480 đồng

Về án phí: Buộc anh V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại thôn Trung Minh, xã Hoà Trạch, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Sự vắng mặt của các bên đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Slà ông Nguyễn Minh Thắng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Long V đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời

khai anh V trình bày vì bận công việc nên xin được vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 06/06/2022 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Svới anh Đặng Long V thì giữa chủ thẻ chính là anh Đặng Long V và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP Scó thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức sử dụng là: 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 2291 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, sao kê các giao dịch của anh Đặng Long V do Ngân hàng TMCP Scung cấp thì anh V kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 11/2022, trong thời gian sử dụng thẻ anh V thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.600.000 đồng và chưa thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền đã giao dịch, các loại phí, lãi suất đã thoả thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Long V cũng đã thừa nhận có vay qua thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Shạn mức 10.000.000 đồng và anh cũng chưa lần nào thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Việc ký kết hợp đồng để cấp thẻ tín dụng và mức lãi suất, được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy có đủ cơ sở xác định anh Đặng Long V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Svề việc buộc bị đơn anh Đặng Long V phải có nghĩa vụ trả số tiền dư nợ quá hạn 11.984.973 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/01/2026 là: 18.010.480 đồng và buộc anh V phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Đều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40; các Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318, 319, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bị đơn anh Đặng Long V phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ssố tiền 29.995.453 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 11.984.973 đồng; Lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/01/2026 là: 18.010.480 đồng,.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, anh Đặng Long V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Scho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Buộc anh Đặng Long V phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP Sđược nhận lại tiền tạm ứng án phí 509.954 đồng đã nộp theo biên lai số 0083723 ngày 12/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hữu Tình